TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 265/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 9 - 2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Bé

2. Ông Nguyễn Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Nhựt Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 456/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 474/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 412/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Ánh N, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Phú H, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ánh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua quá trình mai mối và yêu thương nhau nên chị Huỳnh Thị Ánh N và anh Huỳnh Phú H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày

31/5/2016. Sau khi kết hôn, chị Huỳnh Thị Ánh N và anh Huỳnh Phú H sinh sống tại nhà cha mẹ của chị Huỳnh Thị Ánh N tại địa chỉ ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2023 thì phát sinh mâu thuẫn nên anh Huỳnh Phú H thường xuyên bỏ nhà đi, khi đi, khi về và vợ chồng không còn nói chuyện với nhau. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh Huỳnh Phú H sống chung với gia đình bên vợ nhưng lại không muốn quan tâm, chăm lo cho cha, mẹ vợ; đến tháng 10/2023, anh Huỳnh Phú H không còn giao tiếp, thường xuyên tránh né, không muốn tiếp xúc với cha, mẹ vợ. Đồng thời, anh Huỳnh Phú H cho rằng chỉ khi gia đình bên vợ để anh Huỳnh Phú H đứng tên quyền sở hữu đối với tài sản trong nhà thì anh Huỳnh Phú H mới chăm lo cho gia đình, con cái và chăm lo cho cha, mẹ vợ. Trong thời gian xảy ra mâu thuẫn, anh Huỳnh Phú H không còn quan tâm đến gia đình, đi làm nhưng không phụ giúp tiền bạc với chị Huỳnh Thị Ánh N để cùng chăm lo cho gia đình, con cái và cha mẹ vợ. Chị Huỳnh Thị Ánh N cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với cha, mẹ chồng về vấn đề tiền bạc vì cha, mẹ chồng cho rằng anh Huỳnh Phú H đi làm kiếm tiền chăm lo cho gia đình bên vợ nhưng lại không cho anh Huỳnh Phú H đứng tên tài sản nào trong gia đình là không tôn trọng anh Huỳnh Phú H, dẫn đến cha, mẹ gia đình hai bên thường xuyên xảy ra cự cãi không hòa thuận với nhau. Đến tháng 01/2024 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2024 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, gia đình hai bên không có tạo điều kiện để chị Huỳnh Thị Ánh N và anh Huỳnh Phú H hàn gắn tình cảm vợ chồng; bản thân chị Huỳnh Thị Ánh N và anh Huỳnh Phú H cũng không có thiện chí để hàn gắn tính cảm vợ chồng. Do vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Huỳnh Thị Ánh N yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Phú H.

Về con chung: Chị Huỳnh Thị Ánh N và anh Huỳnh Phú H có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Thị Ngọc Y, sinh ngày 13/01/2005 và Huỳnh Quốc K, sinh ngày 13/10/2016. Khi ly hôn, chị Huỳnh Thị Ánh N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Quốc K; không yêu cầu anh Huỳnh Phú H cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung tên Huỳnh Thị Ngọc Y, sinh ngày 13/01/2005 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy khai sinh của con chung.

Anh Huỳnh Phú H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Chị Huỳnh Thị Ánh N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 5/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cự cãi do anh Huỳnh Phú H muốn được quyền sở hữu đối với các tài sản của

gia đình chị Huỳnh Thị Ánh N nhưng không được cha mẹ chị Huỳnh Thị Ánh N đồng ý nên anh Huỳnh Phú H không quan tâm vợ, con; mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng từ tháng 01/2024 nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, gia đình hai bên không có tạo điều kiện để anh Huỳnh Phú H và chị Huỳnh Thị Ánh N hàn gắn tình cảm vợ chồng; anh Huỳnh Phú H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không hàn gắn được. Về quan hệ hôn nhân, chị Huỳnh Thị Ánh N yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Phú H. Về con chung, chị Huỳnh Thị Ánh N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Quốc K, sinh ngày 13/10/2016, hiện nay đang sống với chị Huỳnh Thị Ánh N; chị Huỳnh Thị Ánh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; đối với con chung tên Huỳnh Thị Ngọc Y, sinh ngày 13/01/2005 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, chị Huỳnh Thị Ánh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Huỳnh Phú H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ánh N. Về quan hệ hôn nhân, chị Huỳnh Thị Ánh N được ly hôn với anh Huỳnh Phú H. Chị Huỳnh Thị Ánh N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Quốc K, sinh ngày 13/10/2016; anh Huỳnh Phú H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về con chung tên Huỳnh Thị Ngọc Y, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo giấy khai sinh của con chung tên Huỳnh Quốc K, anh Huỳnh Phú H có nơi cư trú tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Đồng thời, tại Biên bản xác minh ngày 04/9/2024, anh Huỳnh Phú H có cư trú tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang nhưng hiện nay thường vắng mặt tại địa phương do đi làm ăn; do anh Huỳnh Phú H không có trình báo chính quyền địa phương nên không xác định được nơi làm việc và thời gian trở về của anh Huỳnh Phú H. Căn cứ Điều 11 Luật Cư trú, Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú của anh Huỳnh Phú H tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Chị Huỳnh Thị Ánh N khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh Huỳnh Phú H, yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly

hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh Huỳnh Phú H (bị đơn) có nơi cư trú tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Anh Huỳnh Phú H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng vắng mặt không có lý do trong quá trình tố tụng tại Tòa án. Tại phiên tòa, anh Huỳnh Phú H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Huỳnh Phú H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân:

Chị Huỳnh Thị Ánh N cho rằng, chị Huỳnh Thị Ánh N và anh Huỳnh Phú H tự nguyện kết hôn vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống đến tháng 5/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cự cãi do anh Huỳnh Phú H yêu cầu được quyền sở hữu một số tài sản của cha mẹ chị Huỳnh Thị Ánh N nhưng không được cha mẹ đồng ý nên anh Huỳnh Phú H không quan tâm, chăm lo cho vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng từ tháng 01/2024 nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, gia đình hai bên không có tạo điều kiện để anh Huỳnh Phú H và chị Huỳnh Thị Ánh N hàn gắn tình cảm vợ chồng; chị Huỳnh Thị Ánh N có cho anh Huỳnh Phú H cơ hội nhưng anh Huỳnh Phú H vẫn không thay đổi tính tình và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không hàn gắn được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Huỳnh Thị Ánh N yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Phú H.

Anh Huỳnh Phú H đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ánh N.

Xét thấy, chị Huỳnh Thị Ánh N và anh Huỳnh Phú H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Anh Huỳnh Phú H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ánh N theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị Huỳnh Thị Ánh N và anh Huỳnh Phú H theo quy định của pháp luật nhưng anh Huỳnh Phú H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không hòa giải được, thể hiện anh Huỳnh Phú H không còn thiện chí níu kéo quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Ánh N và anh Huỳnh Phú H nên lời trình bày của chị Huỳnh Thị Ánh N về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Ánh N và anh Huỳnh Phú H đã lâm vào tình trạng

trầm trọng là có cơ sở chấp nhận. Do đó, có căn cứ để xác định hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Ánh N và anh Huỳnh Phú H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị Huỳnh Thị Ánh N yêu cầu ly hôn anh Huỳnh Phú H phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Đối với con chung:

Chị Huỳnh Thị Ánh N xác định chị Huỳnh Thị Ánh N và anh Huỳnh Phú H có 02 con chung tên Huỳnh Quốc K, sinh ngày 13/10/2016 và Huỳnh Thị Ngọc Y, sinh ngày 13/01/2005; hiện nay con chung tên Huỳnh Quốc K đang sống với chị Huỳnh Thị Ánh N. Khi ly hôn, chị Huỳnh Thị Ánh N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Quốc K, sinh ngày 13/10/2016; chị Huỳnh Thị Ánh N không yêu cầu anh Huỳnh Phú H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Huỳnh Phú H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Xét thấy, việc giao con chung là người chưa thành niên cho người chăm sóc, nuôi dưỡng khi chị Huỳnh Thị Ánh N và anh Huỳnh Phú H ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Căn cứ lời trình bày của chị Huỳnh Thị Ánh N, từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Huỳnh Quốc K sinh sống với chị Huỳnh Thị Ánh N cho đến nay; quá trình sinh sống với chị Huỳnh Thị Ánh N, cháu Huỳnh Quốc K vẫn được chăm sóc, phát triển tốt và cháu Huỳnh Quốc K có nguyện vọng được sống với chị Huỳnh Thị Ánh N. Để ổn định cuộc sống cho cháu Huỳnh Quốc K, giúp cháu Huỳnh Quốc K phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị Huỳnh Thị Ánh N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi chị Huỳnh Thị Ánh N và anh Huỳnh Phú H ly hôn phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Đối với con chung tên Huỳnh Thị Ngọc Y, sinh ngày 13/01/2005 hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động nên chị Huỳnh Thị Ánh N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Huỳnh Thị Ánh N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi chị Huỳnh Thị Ánh N và anh Huỳnh Phú H ly hôn nên anh Huỳnh Phú H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, chị Huỳnh Thị Ánh N không yêu cầu anh Huỳnh Phú H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Huỳnh Thị Ánh N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ánh N.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ánh N được ly hôn anh Huỳnh Phú H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 123, ngày 31/5/2016 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho chị Huỳnh Thị Ánh N và anh Huỳnh Phú H không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Chị Huỳnh Thị Ánh N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Quốc K, sinh ngày 13/10/2016. Hiện nay đang sống với chị Huỳnh Thị Ánh N.

Anh Huỳnh Phú H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Huỳnh Thị Ánh N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Huỳnh Phú H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Ánh N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0015609 ngày 13/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phước Sang